

Số: 140/2020/QĐST-HNGĐ

Ô Môn, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Huyền T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận M, TP Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Quốc D**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận M, TP Cần Thơ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/6/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Huyền T và anh Huỳnh Quốc D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Huỳnh Quốc D thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị T, anh D xác định có 01 con chung, Huỳnh Hoàng N, sinh ngày 15/10/2014. Chị T, anh D thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Huỳnh Quốc D. Không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp khi có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- *Nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp khi có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- *Án phí hôn nhân*: Chị Phạm Thị Huyền T tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 010993 ngày 19/5/2020, chị T được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tại chi cục thi hành án quận Ô Môn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Thị Hồng Nương

